TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2018/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 05 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2018/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa:

**** Nguyên đơn***: Bà **Nguyễn Thị T**; Sinh năm: 1993.

Trú tại: Thôn S, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

**** Bị đơn***: Ông **Nguyễn Hữu T**; Sinh năm: 1991.

Trú tại: Thôn S, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** **Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam**

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng; Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch Văn Trường; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch ngân hành chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hữu T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn M T; sinh ngày 27 tháng 3 năm 2013 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

2.3. Về nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay.

2.4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003645 ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả bà Nguyễn Thị T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí.

Ông Nguyễn Hữu T phải nộp 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND H. Đ;
- CC THADS H. Đ;
- UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thúy Phượng